

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

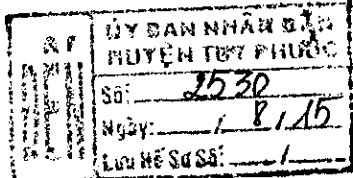
Số: 2683 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 08 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định
theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Kết luận số 449-KL/TU ngày 06/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVIII) tại Hội nghị lần thứ 67;

Xét của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1698/TTr-SNN ngày 11/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu phát triển

1.1. Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, không ngừng nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; chuyên môn hóa sản xuất, tạo việc làm ổn định, thúc đẩy sự chuyển dịch và phân công, cơ cấu lại lao động ở nông thôn góp phần nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, nâng cao thu nhập của nông dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,5 - 6%/năm. Trong đó: Nông nghiệp 4,0 - 4,5%/năm (trồng trọt 2 - 2,5%/năm, chăn nuôi 6 - 6,5%/năm, dịch vụ 8,5 - 9%/năm), lâm nghiệp 13 - 14%/năm và thủy sản 7 - 7,5%/năm.

- Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp đến năm 2020: Nông nghiệp chiếm 59% (trồng trọt chiếm 39%, chăn nuôi chiếm 57%, dịch vụ chiếm 4%), lâm nghiệp chiếm 6% và thủy sản chiếm 35%.

- Phân đầu đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn mỗi năm giảm từ 1,5 - 2% theo tiêu chí mới.

- Đến năm 2020 tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.

- Độ che phủ rừng đến năm 2020 đạt trên 52%.

2. Nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

a) Cây lúa:

- Đến năm 2020 diện tích gieo trồng lúa 90.700 ha, sản lượng lúa 589.800 tấn. Trong đó:

+ Diện tích gieo trồng lúa giống 10.000 ha, chiếm 11% diện tích gieo trồng lúa; sản lượng lúa giống 60.000 tấn.

+ Diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao 20.000 ha, chiếm 22% diện tích gieo trồng lúa; sản lượng 120.000 tấn.

- Đầu tư xây dựng những cánh đồng lớn.

b) Cây lạc:

- Đến năm 2020, diện tích gieo trồng lạc 16.400 ha, sản lượng 57.300 tấn.

- Đầu tư xây dựng cánh đồng lớn, hệ thống tưới, tiêu, gắn với áp dụng các công nghệ tưới phù hợp, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Đầu tư xây dựng hệ thống sân phơi, nhà sấy, nhà kho cho từng cánh đồng.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất lạc thương phẩm, lạc giống.

- Xây dựng các quy trình sản xuất và thâm canh, xen canh cây lạc.

c) Cây sắn:

- Đến năm 2020, diện tích trồng sắn 11.000 ha, sản lượng 334.300 tấn.

- Đầu tư xây dựng cánh đồng lớn, đưa những giống sắn mới, có năng suất và hàm lượng tinh bột cao để bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh.

- Xây dựng các quy trình kỹ thuật trồng sắn bền vững theo các hình thức thâm canh, xen canh và rải vụ.

d) Cây ngô:

- Đến năm 2020 diện tích gieo trồng ngô 15.000 ha, sản lượng 94.400 tấn.

- Đầu tư xây dựng cánh đồng lớn gắn với áp dụng cơ giới hóa và công nghệ tưới phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Sử dụng các giống ngô lai, ngô biến đổi gen vào sản xuất.

e) Rau các loại:

- Đến năm 2020, diện tích gieo trồng rau là 20.000 ha.

- Quy hoạch và xây dựng những cánh đồng sản xuất rau an toàn.

- Nâng cao trình độ, hiểu biết của người sản xuất về ý nghĩa, quy trình sản xuất rau an toàn và rau theo tiêu chuẩn VietGap.

- Tổ chức xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm.

g) Cây dứa:

- Đến năm 2020, diện tích trồng dứa 10.000 ha, trong đó diện tích dứa công nghiệp chiếm 80% và diện tích dứa uống nước chiếm 20%.

- Phát triển công nghiệp chế biến dứa: Từ cơm dứa chế biến sữa dứa sử dụng công nghệ đóng gói Tetra Pak (vô trùng), chế biến dầu dứa tinh khiết. Và các sản phẩm khác được chế biến từ sơ dứa, sọ dứa...

- Tổ chức liên kết giữa các doanh nghiệp ngành du lịch với các HTX, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến sản phẩm dứa để phát triển du lịch "Xứ Dừa".

- Đưa các giống dứa mới cho năng suất, chất lượng cao để trồng mới, trồng lại các vườn dứa già cỗi.

- Trồng xen canh, đa canh dưới tán dứa nhằm sử dụng hiệu quả đất đai, để tăng thu nhập cho người trồng dứa.

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

a) Chăn nuôi bò:

- Đến năm 2020, đàn bò đạt 320.000 con, tỷ lệ bò lai đạt 90%. Sản lượng thịt bò xuất chuồng 41.500 tấn.

- Các huyện đồng bằng có đàn bò phát triển mạnh, nhưng hạn chế về đất đai, bãi chăn thả, nên phát triển chăn nuôi bò theo hướng thâm canh ở nông hộ.

- Các huyện trung du, miền núi: Có điều kiện về đất đai, phát triển chăn nuôi bò theo hình thức trang trại, gia trại và nông hộ.

- Phát triển các HTX chăn nuôi gắn với liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ.

b) Chăn nuôi heo:

- Đến năm 2020, đàn heo đạt 1 triệu con, sản lượng thịt heo hơi xuất chuồng 152.000 tấn.

- Xây dựng vùng chăn nuôi heo an toàn dịch bệnh ở huyện Hoài Ân và một số địa phương khác có lợi thế về chăn nuôi.

- Phát triển công nghiệp chế biến, đa dạng các sản phẩm từ thịt heo, nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

c) Chăn nuôi gà:

- Đến năm 2020, đàn gà 5,5 triệu con, sản lượng thịt xuất chuồng 15.800 tấn.

- Xây dựng thương hiệu gà giống của tỉnh.

- Phát triển chăn nuôi gà an toàn sinh học.

2.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

a) Trồng rừng gỗ lớn:

- Đến năm 2020, diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn 10.000 ha, năng suất bình quân trên 20m³/ha/năm, sản lượng gỗ lớn bình quân đạt tỷ lệ 50 - 60%.

- Quy hoạch và xây dựng vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn.

- Xây dựng và ban hành Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng gỗ lớn; Quy trình kỹ thuật chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn.

- Ứng dụng các tiến bộ về khoa học và công nghệ vào quản lý và tổ chức sản xuất, từ khâu giống đến trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và chế biến.

- Xây dựng chứng chỉ kinh doanh rừng bền vững (FSC) cho diện tích rừng trồng sản xuất.

- Có chính sách bảo hiểm đối với rừng trồng gỗ lớn để người trồng rừng yên tâm đầu tư thâm canh gỗ lớn.

b) Trồng cây dược liệu dưới tán rừng:

- Đến năm 2020, diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng 300 ha.

- Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định là đơn vị tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng và ban hành quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản các cây dược liệu.

2.4. Lĩnh vực thủy sản

a) Khai thác thủy sản: Đến năm 2020 sản lượng thủy sản khai thác là 185.000 tấn, trong đó: sản lượng khai thác xa bờ 167.500 tấn, chiếm trên 90% sản lượng. Trong đó xây dựng chuỗi sản xuất cho đối tượng khai thác: Cá ngừ đại dương; cụ thể:

- Đến năm 2020 sản lượng khai thác cá ngừ đại dương đạt 11.000 tấn. Giảm tổn thất sản phẩm sau khai thác xuống còn dưới 10%. Hình thức tổ chức:

+ Doanh nghiệp trực tiếp tổ chức từ khai thác, bảo quản đến tiêu thụ sản phẩm cá ngừ đại dương.

+ Doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết với các đơn vị khai thác cá ngừ đại dương (tổ hợp tác, HTX) để thu mua, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

+ Các tổ đội, hợp tác xã liên kết lại với nhau tổ chức khai thác trên biển, nhằm hỗ trợ khai thác, bảo quản, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển mạnh các tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp khai thác cá ngừ đại dương.

- Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần trên biển phục vụ đánh bắt cá ngừ đại dương.

b) Nuôi trồng thủy sản: Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 đạt trên 16.500 tấn, trong đó sản lượng nuôi nước lợ đạt trên 12.000 tấn, chiếm trên 73% sản lượng. Đối tượng nuôi chính: Tôm thẻ chân trắng; cụ thể:

- Đến năm 2020, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng 770 ha.

Trong đó: Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao có diện tích 110 ha, ở xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ và xã Cát Thành, Cát Hải, huyện Phù Cát.

- Tổng sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt trên 10.000 tấn. Hình thức tổ chức:

+ Doanh nghiệp trực tiếp tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tổ chức sản xuất theo hình thức liên kết giữa các hộ nuôi tôm với doanh nghiệp có đầu tư cho vùng nuôi, cuối vụ thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

+ Thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi tôm theo từng vùng nuôi, để lập dự án đầu tư phát triển nuôi tôm và ký kết hợp đồng với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

2.5. Lĩnh vực diêm nghiệp

- Đến năm 2020 diện tích sản xuất muối 200 ha, sản lượng 40.000 tấn.

- Hình thức tổ chức: Doanh nghiệp liên kết với diêm dân đầu tư vùng nguyên liệu, xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng sản xuất muối bền vững.

- Quy hoạch vùng sản xuất muối tập trung gắn với đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ về Giao thông nội đồng, thủy lợi, nhà kho.

- Thành lập HTX sản xuất muối để ký kết với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ muối hoặc nông dân tham gia cổ phần vào doanh nghiệp bằng “quyền sử dụng đất làm muối”.

3. Các ngành hàng tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị lúa giống.

- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị cây lạc.

- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị cây sắn.
- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị cây rau.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị bò thịt chất lượng cao.
- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị heo thịt.

3.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị rừng trồng gỗ lớn.
- Đề án sản xuất theo chuỗi giá trị cây dược liệu.

3.4. Lĩnh vực thủy sản

- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị cá ngừ đại dương.
- Đề án tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị tôm thẻ chân trắng.

3.5. Lĩnh vực diêm nghiệp

- Đề án sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm muối ăn.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp

- Đối với lĩnh vực trồng trọt: Xây dựng "*cánh đồng lớn*" với quy mô thửa ruộng hợp lý là điều kiện tiên quyết, vì nó quyết định mức độ thực hiện cơ giới hóa, đầu tư thâm canh và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Do vậy, xây dựng giao thông nội đồng gắn bờ vùng, bờ thửa với hệ thống tưới - tiêu nội đồng, gắn hệ thống sân phơi - nhà kho là rất cần thiết.

- Thành lập các HTX mới theo nhu cầu phát triển thiết thực của sản xuất, trên tất cả các lĩnh vực Trồng trọt - Chăn nuôi - Thủy sản - Lâm nghiệp; trên cơ sở đó đẩy mạnh liên doanh - liên kết, gắn sản xuất - chế biến với tiêu thụ sản phẩm, nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của sản phẩm và phát triển thị trường.

- Tổng kết, đánh giá và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, để có điều kiện thực hiện cơ giới hóa đồng bộ các khâu công việc, đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Phát triển công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ.

- Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế trang trại, gia trại sản xuất hàng hoá có quy mô tập trung, thâm canh cao.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào sản xuất.



- Gắn tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp với đầy mạnh xây dựng nông thôn mới.

4.2. Tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm.

- Hình thành kênh phân phối sản phẩm nông nghiệp tại các chợ ở đô thị, siêu thị, trường học, nhà hàng, các khu, cụm công nghiệp trong và ngoài tỉnh.

4.3. Đào tạo nguồn nhân lực

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nhất là cán bộ HTX; đồng thời có chính sách thu hút số cán bộ trẻ về công tác tại các HTX.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ưu tiên đào tạo các ngành nghề, các làng nghề thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh.

4.4. Huy động nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đầu tư công và khuyến nông

- Huy động nguồn lực đầu tư của các chủ thể sản xuất

- Nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đầu tư công

- Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông

4.5. Tuyên truyền, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường dịch vụ nông nghiệp.

5. Nhu cầu vốn đầu tư

a) Tổng nhu cầu vốn đầu tư : 4.740.100 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách : 675.300 triệu đồng, chiếm 14%;

- Vốn doanh nghiệp, HTX : 1.040.200 triệu đồng, chiếm 22%;

- Vốn của hộ nông dân : 2.161.600 triệu đồng, chiếm 46%;

- Vốn FDI : 863.000 triệu đồng, chiếm 18%.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn hỗ trợ của Trung ương thông qua các chính sách phát triển chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản và các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn...

- Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và xã.

- Vốn vay tín dụng của người dân để phát triển sản xuất thông qua các Ngân hàng thương mại Việt Nam.

- Vốn của các tổ chức, cá nhân, vốn tự có của nông hộ đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm và thủy sản.

(Có đề án kèm theo)

Ulu
→

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, HTX tổ chức triển khai thực hiện đề án.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quản lý chuyên ngành.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành hệ thống các chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn; tổ chức xây dựng các chương trình, đề án, dự án cụ thể và triển khai thực hiện hàng năm. Đề xuất UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện đề án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đề xuất cơ chế chính sách thu hút đầu tư và bố trí các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất.

- Rà soát, phân loại các dự án đầu tư, điều chỉnh phương thức và nguồn đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, địa phương nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Tài chính

- Cân đối đề xuất, bố trí nguồn ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đặc biệt bố trí đủ nguồn lực và kịp thời để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh và các chính sách của trung ương.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh rà soát, sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hoá nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ; điều chỉnh cơ cấu đề tài nghiên cứu, ưu tiên tập trung vào các nội dung, nhiệm vụ của đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh, qua đó hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các nông sản phẩm hàng hoá có lợi thế mạnh, trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Nhà nước và quy định của quốc tế nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hoá thế mạnh của tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào việc thu mua, tiêu thụ nông sản từ các dự án sản xuất nông nghiệp hàng hóa của tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh phát triển nhiều loại hình kinh doanh: Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, khu thương mại dịch vụ; đồng thời xây dựng mới, nâng cấp hệ thống các chợ; trong đó, đặc biệt coi trọng việc phát triển chợ đầu mối tiêu thụ nông sản.

- Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hoá nông, lâm, thủy sản.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông Nghiệp và PTNT, các địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp. Hướng dẫn các tổ chức cá nhân làm thủ tục thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế trang trại, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

- Đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

- Tham mưu cho UBND tỉnh chính sách khuyến khích tập trung quy mô ruộng đất để phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

7. Ngân hàng nhà nước tỉnh

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn đã ban hành; tạo cơ chế thông thoáng về hồ sơ, thủ tục cho vay để các doanh nghiệp và người dân có điều kiện bổ sung vốn đầu tư phát triển sản xuất.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chương trình tín dụng cụ thể phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn góp phần thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh.

8. Các sở, ban, ngành khác

Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện đề án; đề xuất UBND tỉnh về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh.

9. Các hội, hiệp hội, tổ chức chính trị - xã hội

Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ hội viên, nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện các hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai xây dựng đề án sản xuất; rà soát, điều chỉnh, cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Tùy theo điều kiện cụ thể, mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn ra các cây trồng, vật nuôi chủ lực có lợi thế ở địa phương, có khả năng cạnh tranh và phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh, để tập trung ưu tiên phát triển.

- Tăng cường phối kết hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong công tác chỉ đạo, phát triển sản xuất; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương gắn với các chương trình, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở địa phương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung chỉ đạo kiện toàn, chuyển đổi, thành lập HTX nông nghiệp theo luật HTX năm 2012

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

11. Các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vì lợi ích của doanh nghiệp và nông dân, ký hợp đồng đầu tư, tiêu thụ nông sản cho nông dân và thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết.

- HTX nông nghiệp thực hiện chuyển đổi theo luật HTX hiện hành, từng bước mở rộng quy mô sản xuất, gắn tổ chức sản xuất với hoạt động dịch vụ sản xuất. Phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản phẩm, đồng thời thực hiện ký kết hợp đồng với doanh nghiệp để liên kết sản xuất - tiêu thụ.

- Hộ nông dân cần nhận thức đúng đắn lợi ích trong việc hợp tác, liên kết với các thành phần kinh tế khác để sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả cao và bền vững, loại bỏ tư duy sản xuất manh mún, nhỏ lẻ không mang lại hiệu quả cao

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy (Báo cáo)
- TT HĐND tỉnh (báo cáo)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP;
- Lưu: VT, K1, K10, K13 (60b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Trần Thị Thu Hà